

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2012/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 27 tháng 9 năm 2012

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: ... 910
	Ngày: 28/9
	Chuyên:

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
DU LỊCH ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH10 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 31/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật Du lịch số 44/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Thông tư số 20/2011/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 25/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2012 của Liên Bộ Giao thông Vận tải - Văn hóa Thể thao và Du lịch quy định về bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 695/TTr-SGTVT ngày 18 tháng 7 năm 2012 và Công văn số 799/SGTVT-VT ngày 23 tháng 8 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tạm thời về quản lý hoạt động vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013; thay thế Quyết định số 906/1999/QĐ-UB ngày 17 tháng 5 năm 1999 về việc ban hành quy định tạm thời về tổ chức và quản lý bến thuyền du lịch, Quyết định số 907/1999/QĐ-UB ngày 17 tháng 5 năm 1999 về việc ban hành tiêu chuẩn



phương tiện và người điều khiển phương tiện vận chuyển khách du lịch đường thủy nội địa, Quyết định số 793/2001/QĐ-UB ngày 13 tháng 4 năm 2001 về việc ban hành quy chế về tổ chức và quản lý hoạt động vận chuyển khách du lịch đường thủy nội địa.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận chuyển khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thường vụ TU, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- CVP và các PCVP;
- Lưu VT, VH, DL, CT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trường Lưu

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 31 /2012/QĐ-UBND ngày 27/9/ 2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phương tiện thủy nội địa vận tải khách du lịch (sau đây gọi tắt là phương tiện): là phương tiện vận tải hành khách đường thủy nội địa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa.
2. Bến thuyền du lịch: là nơi được quy định để phương tiện vào đón, trả khách hoặc chờ đón, trả khách; là nơi dừng đỗ neo đậu phương tiện cho khách đi tham quan, lưu trú.
3. Phương tiện lưu trú: là phương tiện có buồng ngủ hoặc phòng ngủ bảo đảm về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, dịch vụ cần thiết phục vụ lưu trú du lịch.
4. Nhân viên phục vụ trên phương tiện: là người làm việc trên phương tiện nhưng không phải là thuyền viên, người điều khiển phương tiện.
5. Khách du lịch: là người đi du lịch hoặc kết hợp đi du lịch, được vận chuyển bằng phương tiện vận tải hành khách du lịch trên đường thủy nội địa.
6. Tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa: là tổ chức, cá nhân có ngành nghề đăng ký kinh doanh vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa.

Điều 3. Những hành vi bị cấm

Ngoài các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 4, Điều 8 Luật Giao thông đường thủy nội địa, Điều 12 Luật Du lịch, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận chuyển khách du lịch tham quan trên các tuyến đường thủy nội địa thuộc địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế không được thực hiện các hành vi sau đây:

1. Đối với chủ phương tiện:

a) Sử dụng phương tiện không đủ điều kiện quy định tại Quy định này vào vận chuyển khách du lịch trên các tuyến đường thủy nội địa thuộc địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và khách lưu trú trên thuyền;

b) Nhận chở khách du lịch trên các tuyến đường thủy nội địa thuộc địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và khách lưu trú trên phương tiện nhưng không có hợp đồng bằng văn bản hoặc vé hành khách hợp lệ theo quy định tại Quy định này; Thu tiền cao hơn giá niêm yết; thu tiền không có thỏa thuận, thống nhất trước với khách; thu tiền thấp hơn giá tối thiểu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Lập danh sách khách du lịch không đúng tên người, địa chỉ, số lượng người so với thực tế. Vận chuyển khách không đúng tên đã lập trong danh sách hành khách;

d) Có hành vi lừa đảo hoặc cấu kết với người khác để lừa đảo khách du lịch. Không xuất hoá đơn, vé hành khách hợp lệ cho khách theo quy định;

đ) Tự ý hoán cải, thay đổi kết cấu, tính năng, công dụng hoặc đóng mới phương tiện chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

e) Không bố trí đủ người làm việc trên phương tiện đảm bảo thực hiện các chức danh theo quy định. Bố trí thời gian làm việc của người lao động trái với Luật Lao động.

2. Đối với thuyền trưởng:

a) Tự ý đón, trả khách ở bến hoặc địa điểm chưa được công bố, cấp phép hoạt động, trừ trường hợp khẩn cấp, cứu nạn hoặc bất khả kháng;

b) Đưa khách đi tham quan không đúng hành trình, tuyến, điểm tham quan đã được ghi trong hợp đồng. Không đưa khách đi đủ thời gian đã ký kết, thỏa thuận; tự ý cắt xén hành trình du lịch; thông đồng với người bán để ép khách du lịch mua hàng hóa, hàng lưu niệm, sử dụng dịch vụ với giá cao; trộm cắp tài sản của khách;

c) Cho phương tiện lưu trú neo đậu không đúng vị trí quy định. Không khai báo đăng ký tạm trú cho khách du lịch nghỉ đêm trên phương tiện;

d) Chuyển nhượng khách du lịch sang thuyền khác; bỏ khách du lịch tại điểm tham quan; chuyển tải khách trái quy định;

3. Chủ phương tiện, thuyền viên, người tham gia kinh doanh dịch vụ có các hành vi vi phạm nội quy, quy định của bến thuyền du lịch;

4. Chủ phương tiện, thuyền viên, khách du lịch có hành vi liên quan đến tệ nạn xã hội, buôn bán hàng cấm hoặc vi phạm đạo đức, lối sống, tín ngưỡng, văn hóa... của người Việt Nam;

5. Tổ chức, cá nhân cung cấp hàng hóa, dịch vụ (ăn uống, đồ lưu niệm, sách báo...) có hành vi gian lận thương mại, ép khách hàng sử dụng dịch vụ, không niêm yết giá, không có thỏa thuận với khách hàng trước khi bán, thu tiền cao hơn giá niêm yết, hàng hóa không đảm bảo chất lượng, số lượng, không xuất hóa đơn theo quy định;

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, hoạt động của thuyền du lịch có hành vi hách dịch, cửa quyền, sách nhiễu, tiêu cực, tự đặt ra các quy định, thủ tục giấy tờ, lệ phí, thu tiền... trái pháp luật và trái với Quy định này; lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trách nhiệm, có các biểu hiện ép buộc để gây khó khăn cho chủ phương tiện, thuyền viên và khách du lịch dưới mọi hình thức;

7. Các hành động đổ chất thải xuống trên các tuyến đường thủy nội địa dưới mọi hình thức;

8. Các hành vi khác trái với các quy định của pháp luật, trái với quy định này.

Chương II

QUY ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN, THUYỀN VIÊN, NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN VÀ NHÂN VIÊN PHỤC VỤ

Điều 4. Quy định đối với phương tiện vận chuyển khách du lịch đường thủy nội địa

Ngoài việc thực hiện quy định tại Điều 24 Luật Giao thông đường thủy nội địa và các quy định tại Thông tư số 20/2011/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa, phương tiện phải bảo đảm yêu cầu các quy định sau:

1. Có đủ các giấy tờ pháp lý và các hồ sơ, sổ sách sau:

a) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

b) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa còn hiệu lực.

c) Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự và hành khách còn hiệu lực.

d) Có giấy xác nhận phương tiện đạt tiêu chuẩn phục vụ hành khách du lịch đường thủy nội địa của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về du lịch.

đ) Có sổ danh bạ thuyền viên và nhân viên phục vụ và được ghi chép đầy đủ, và được lưu giữ trên phương tiện, bổ sung hàng ngày (nếu có thay đổi).

e) Có biểu đồ tuyến hành trình du lịch, các cảng, bến đón trả hành khách.

2. Phương tiện được kê hoặc gắn số đăng ký, sơn vạch dấu mớn nước an toàn, số lượng người được phép chở trên phương tiện.

3. Được bố trí đầy đủ định biên thuyền viên theo quy định.

4. Đảm bảo các điều kiện về an toàn, y tế, tìm kiếm cứu nạn:

a) Phương tiện phải có các cửa thoát hiểm tại các khu vực công cộng; bố trí sơ đồ thoát hiểm, hướng dẫn trang bị cứu sinh tại khu vực phòng khách, phòng lưu trú hành khách.

b) Phải đảm bảo đủ số lượng và chất lượng phao cứu sinh theo quy định: 100% phao áo cho số lượng người được phép chở và thuyền viên trên phương tiện; 10% phao áo cho trẻ em; 2 phao tròn (mỗi mạn 1 chiếc);

- Trang thiết bị cứu sinh của phương tiện phải thỏa mãn các điều kiện được quy định tại Tiêu chuẩn phao áo cứu sinh TCVN 7282:2008; Tiêu chuẩn phao tròn cứu sinh TCVN 7283:2008.

- Các trang thiết bị phục vụ cho công tác cứu sinh phải để ở nơi dễ thấy, dễ lấy khi xảy ra sự cố.

c) Có tủ thuốc với dụng cụ y tế và một số loại thuốc thông dụng còn hạn sử dụng.

d) Có sổ ghi điện thoại, địa chỉ các cơ quan tìm kiếm cứu nạn.

5. Trang thiết bị phòng cháy và chữa cháy: phải thỏa mãn tiêu chuẩn về trang thiết bị phòng cháy và chữa cháy theo quy định; tuân thủ các quy định của Luật phòng cháy chữa cháy.

6. Quy định về vệ sinh và bảo vệ môi trường trên phương tiện: phải thỏa mãn yêu cầu tại Quy định đảm bảo vệ sinh môi trường đối với các hoạt động du lịch trên sông Hương được ban hành kèm theo Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2010 của UBND tỉnh, cụ thể:

a) Thùng chứa rác: phải có nắp đậy kín, có tính thẩm mỹ, hợp vệ sinh và được bố trí ở những nơi thuận tiện cho việc bỏ rác.

b) Buồng vệ sinh phải có két chứa kín, đảm bảo mỹ quan, hợp vệ sinh môi trường.

c) Phải có các thiết bị chuyên dùng (khoang, thùng...) để chứa các chất thải lỏng, rắn, cặn dầu, dầu thải và các chất độc hại khác phát sinh trong quá trình hoạt động.

d) Máy chính và máy phụ phải có thiết bị giảm-rung và giảm âm; buồng máy phải lắp cách âm. Độ ồn do máy chính và máy phụ phát ra ở khoang hành khách không vượt quá 55 dBA (TCVN 3985:1999).

đ) Không được ăn, ở sinh hoạt theo quy mô hộ gia đình trên phương tiện.

e) Không được nuôi các loại động vật trên phương tiện.

g) Phải có bản nội quy về bảo vệ môi trường.

7. Quy định chung về thẩm mỹ, tiện nghi của phương tiện:

a) Phương tiện phải đáp ứng yêu cầu về thẩm mỹ, màu sắc, có hình dáng đảm bảo hài hoà, phù hợp với cảnh quan trên các tuyến hoạt động.

b) Phòng khách:

- Bài trí sạch, đẹp, trang nhã;

- Sàn lát bằng gỗ, nhôm hoặc loại vật liệu khác tạo màu sắc êm dịu, thuận tiện để làm vệ sinh;

- Có đủ ghế ngồi theo sức chở của phương tiện, đảm bảo chất lượng, hình thức đẹp, chiều rộng của ghế không nhỏ hơn 50cm; Bố trí hành lang đi lại giữa các hàng ghế thuận tiện, đảm bảo chiều rộng hành lang không nhỏ hơn 50cm;

- Có đủ không gian, ánh sáng và trang thiết bị cần thiết cho khu vực biểu diễn nghệ thuật (nếu có);

- Cửa sổ đóng mở thuận tiện, có ri-đô che nắng;

- Có quây (hoặc tủ) phục vụ đồ uống, giải khát bán đồ lưu niệm. Phương tiện phải được trang bị hệ thống chứa nước sạch đảm bảo đủ phục vụ khách du lịch trong suốt hành trình.

8. Đối với các phương tiện du lịch có tổ chức phục vụ biểu diễn ca Huế phải tuân thủ và đảm bảo các điều kiện quy định tại Quyết định số 51/2011/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh ban hành quy chế hoạt động biểu diễn và tổ chức dịch vụ biểu diễn ca Huế trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và các qui định hiện hành khác liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật.

9. Đối với phương tiện lưu trú du lịch:

a) Có buồng ngủ hoặc phòng ngủ bảo đảm chất lượng về cơ sở vật chất, trang thiết bị và dịch vụ theo quy định hiện hành;

b) Có bảng chỉ dẫn vị trí bố trí, bảng hướng dẫn sử dụng trang thiết bị cứu sinh, cứu đám, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường treo ở địa điểm mà hành khách dễ nhìn thấy và dễ hiểu; có bảng hướng dẫn sử dụng áo phao cứu sinh, sử dụng búa để mở hoặc phá cửa thoát hiểm;

c) Có thiết bị theo dõi thời tiết, thông tin liên lạc: có hệ thống thông tin nội bộ từ phòng thuyền trưởng đến các khu vực dịch vụ, buồng ngủ hoặc phòng ngủ của khách; có số ghi điện thoại, địa chỉ các cơ quan tìm kiếm cứu nạn;

d) Có biểu đồ tuyến hành trình du lịch, các bến đón, trả hành khách và các điểm neo đậu;

đ) Có đầy đủ định biên thuyền viên theo quy định và phải được bố trí trực cảnh giới 24/24 giờ;

e) Có sổ danh bạ thuyền viên và nhân viên phục vụ trên phương tiện và được ghi chép đầy đủ, được lưu giữ trên phương tiện, bổ sung hàng ngày (nếu có thay đổi).

Điều 5. Quy định đối với thuyền viên, nhân viên phục vụ trên phương tiện

1. Đối với thuyền viên:

a) Chủ phương tiện chịu trách nhiệm bố trí đủ các chức danh theo định biên thuyền viên tối thiểu làm việc trên thuyền du lịch theo các quy định tại Chương IV Luật Giao thông đường thủy nội địa về thuyền viên và người điều khiển phương tiện, các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Giao thông vận tải về đào tạo, cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người điều khiển phương tiện.

b) Có Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ về du lịch do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp.

c) Mặc đồng phục có bảng tên theo quy định của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa trong suốt thời gian làm việc trên phương tiện.

2. Đối với nhân viên phục vụ trên phương tiện:

a) Có bằng chứng chỉ chuyên môn phù hợp với công việc và chức danh trên phương tiện.

b) Được bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ về an toàn giao thông đường thủy; huấn luyện về cứu sinh, cứu hỏa, cứu đắm và sơ cứu y tế.

c) Có Chứng chỉ bơi lội.

d) Mặc đồng phục có bảng tên theo quy định của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa trong suốt thời gian làm việc trên phương tiện.

Điều 6. Danh sách hành khách

1. Danh sách hành khách được lập theo biểu mẫu kèm theo tại Quy định này.

2. Người lập danh sách phải ghi đầy đủ các cột, mục theo yêu cầu, chịu trách nhiệm về tính chính xác của danh sách được lập.

3. Danh sách hành khách được lập thành 02 bản cho mỗi chuyến vận chuyển khách của thuyền; trong đó 01 bản giao cho thuyền trưởng, 01 bản lưu tại bến.

Điều 7. Công tác cứu hộ, cứu nạn

1. Chủ phương tiện, thuyền viên phải chủ động xây dựng phương án, có trách nhiệm tham gia, tiến hành cứu hộ, cứu nạn, phòng chống giông bão, cháy nổ, đắm thuyền; phổ biến và tổ chức cho thuyền viên học tập, đảm bảo chủ động phòng ngừa và xử lý hiệu quả khi có tình huống đột xuất xảy ra.

Khi có sự cố xảy ra, phải triển khai ngay phương án cứu hộ, cứu nạn và kịp thời thông báo về chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố và phòng Cảnh sát Đường thủy – Công an tỉnh để kịp thời hỗ trợ, ứng cứu, khắc phục hậu quả.

2. Khi phát hiện hay nhận được tín hiệu cấp cứu của người hoặc thuyền khác gặp nạn trên hành trình, nếu điều kiện thực tế cho phép và không gây nguy hiểm cho thuyền và người đang ở trên thuyền của mình thì thuyền trưởng phải tổ chức tiến hành cứu giúp người bị nạn, đồng thời phải thông báo ngay cho chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố và phòng Cảnh sát Đường thủy tỉnh, Ban Quản lý bến thuyền du lịch để kịp thời hỗ trợ.

Chương III BẾN THUYỀN DU LỊCH

Điều 8. Điều kiện hoạt động của bến thuyền du lịch

1. Thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 25/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa.

2. Có bảng thông tin hướng dẫn cho khách du lịch về tuyến, điểm du lịch; các công trình phụ trợ phục vụ khách du lịch bảo đảm mỹ quan, vệ sinh môi trường.

3. Khu vực neo đậu:

a) Có các phương tiện cứu hộ, cứu nạn, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy và các phương tiện khác bảo đảm an toàn, an ninh trật tự và bảo vệ môi trường;

b) Trang thiết bị để neo đậu phương tiện lưu trú du lịch bảo đảm an toàn;

c) Được cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc cấp giấy phép hoạt động theo quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý bến thuyền du lịch

1. Nhiệm vụ của ban quản lý bến thuyền du lịch:

a) Quy định nơi neo đậu cho phương tiện trong vùng nước của bến.

b) Phối hợp với chính quyền địa phương, công an đường bộ, đường thủy nhằm đảm bảo trật tự trị an, vệ sinh môi trường trong khu vực bến.

c) Được thực hiện một số chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông đường thủy nội địa tại bến thuyền như sau:

- Kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện như: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa; Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự và hành khách; Hợp đồng vận chuyển; phao, neo, thiết bị cứu sinh cứu đắm..., kiểm tra bằng, chứng chỉ chuyên môn, trang phục của thuyền viên và người điều khiển phương tiện trước khi cấp phép phương tiện rời bến.

- Tiếp nhận và xác nhận đăng ký mẫu trang phục thuyền viên và nhân viên phục vụ của các tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa.

- Làm các thủ tục, xác nhận danh sách hành khách đi thuyền.

- Cấp phép cho phương tiện ra vào bến.

- Thông báo tình hình luồng cho chủ phương tiện biết để đưa phương tiện ra vào bến.

- Kiểm tra điều kiện an toàn đối với cầu tàu, bến, luồng, báo hiệu và các công trình khác có liên quan trong phạm vi bến; khi phát hiện có dấu hiệu mất an toàn phải có biện pháp xử lý kịp thời.

- Tổ chức khai thác, sử dụng cầu tàu, bến bảo đảm an toàn. Tạm ngừng khai thác cầu tàu, bến khi xét thấy có ảnh hưởng đến an toàn cho người, phương tiện hoặc công trình.

- Tổ chức tìm kiếm, cứu người, phương tiện bị nạn trong vùng nước của bến.

- Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan khi có nhu cầu kiểm tra, làm việc với chủ phương tiện tại bến.

d) Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo theo quy định.

2. Quyền hạn của Ban quản lý bến thuyền du lịch:

a) Không cho phương tiện ra, vào bến khi bến hoặc phương tiện không bảo đảm điều kiện an toàn hoặc bến không đủ điều kiện pháp lý hoạt động.

b) Được quyền kiến nghị và phối hợp với các cơ quan: Thanh tra Sở giao thông vận tải, Cảnh sát đường thủy, Công an phường, Chính quyền địa phương nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

c) Huy động phương tiện, thiết bị, nhân lực trong khu vực bến để tham gia cứu người, phương tiện trong trường hợp khẩn cấp và xử lý ô nhiễm môi trường trong phạm vi của bến.

d) Tham gia lập biên bản, kết luận nguyên nhân tai nạn, sự cố xảy ra trong vùng nước bến; yêu cầu các bên liên quan khắc phục hậu quả tai nạn.

đ) Thu phí, lệ phí theo quy định.

Điều 10. Đơn vị khai thác bến thuyền du lịch

1. Thực hiện theo Thông tư số 25/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật.

2. Khai thác kinh doanh, đại lý các dịch vụ phục vụ cho thuyền du lịch và hành khách; đảm bảo an toàn các công trình giao thông, trang thiết bị tài sản của bến.

3. Thường xuyên đầu tư xây dựng, nâng cấp nhằm duy trì các điều kiện đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động tại bến.

4. Tổ chức một số hoạt động dịch vụ phục vụ cho phương tiện và hành khách thông qua bến.

5. Ban hành nội quy, quy chế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nội dung có liên quan tại Quy định này.

6. Tổ chức thực hiện công tác đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật trong phạm vi quản lý.

7. Tham gia lập biên bản, kết luận nguyên nhân, xử lý tai nạn; phòng chống lụt bão, cứu hộ cứu nạn, phòng cháy chữa cháy tại vùng nước bến.

Điều 11. Thủ tục đối với phương tiện vào, rời bến đón, trả khách

1. Thủ tục đối với phương tiện vào bến:

a) Trước khi phương tiện vào bến, thuyền trưởng hoặc thuyền phó hoặc người điều khiển phương tiện có trách nhiệm nộp và xuất trình Ban quản lý bến các giấy tờ sau:

- Giấy tờ nộp (bản chính):

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện;

+ Sổ Danh bạ thuyền viên.

- Giấy tờ xuất trình (bản chính):

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức tín dụng trong trường hợp phương tiện đang cầm cố, thế chấp);

+ Bằng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên trên phương tiện.

b) Sau khi kiểm tra các giấy tờ được quy định tại Điểm a Khoản này, Ban quản lý bến kiểm tra thực tế nếu bảo đảm các điều kiện an toàn theo quy định thì chấp thuận và hướng dẫn cho phương tiện vào bến đậu đỗ để đón trả khách đúng nơi quy định.

2. Phương tiện rời bến: Đại diện chủ phương tiện (thuyền trưởng hoặc người điều khiển phương tiện, hoặc người được chủ phương tiện ủy quyền) lập danh sách hành khách thành 02 bản, 01 bản giao cho Thuyền trưởng, 01 bản chuyên cho Ban quản lý bến.

Ban quản lý bến tiến hành kiểm tra thực tế phương tiện, các trang thiết bị cứu sinh cứu đắm nếu bảo đảm các điều kiện an toàn thì trả lại Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, Sổ danh bạ thuyền viên của phương tiện và cấp lệnh xuất bến theo quy định.

3. Đối với phương tiện ra, vào bến từ hai lần trở lên trong một ngày thì Ban quản lý bến chỉ kiểm tra thực tế lần đầu, từ lần thứ hai trong ngày chỉ kiểm tra các giấy tờ theo quy định.

Điều 12. Không làm thủ tục rời bến trong các trường hợp

1. Khi thời tiết không đảm bảo an toàn do sương mù, gió lớn từ cấp 5 trở lên theo thông báo của Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn và tình hình thực tế. Khi cơ quan dự báo thời tiết dự báo có thể có giông, lốc trên hành trình.

2. Trong trường hợp thời tiết có diễn biến đột xuất, Ban Quản lý bến thuyền du lịch trực tiếp xem xét giải quyết việc ngừng hay tiếp tục cấp giấy phép rời bến cho thuyền du lịch trên cơ sở đảm bảo an toàn. Khi ngừng hay tiếp tục cấp lại phải thông báo công khai cho chủ phương tiện, thuyền viên, khách du lịch biết.

3. Khi chủ phương tiện, thuyền viên vi phạm bản Quy định này và nội quy bến, hợp đồng, cam kết đã được ký kết giữa chủ phương tiện với Ban Quản lý bến thuyền du lịch.

4. Thuyền du lịch không đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 4, 5, 6, 7 của Quy định này.

5. Các trường hợp vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 13. Điều kiện kinh doanh vận tải khách du lịch

Tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp, trong đó có ngành nghề vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa.

2. Được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận vận tải hành khách du lịch trên tuyến đường thủy nội địa đã được công bố và đưa vào quản lý theo tuyến cố định hoặc theo hợp đồng.

3. Có phương tiện đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định tại Quyết định này.

4. Tổ chức quản lý thuyền viên và nhân viên phục vụ trên thuyền theo quy định của pháp luật về lao động và theo các qui định tại Quyết định này. Qui định trang phục thống nhất cho thuyền viên và nhân viên phục vụ, đăng ký với Ban Quản lý Bến thuyền du lịch để thuận tiện trong quá trình tổ chức hoạt động, kiểm tra, kiểm soát.

5. Đối với các hoạt động kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch có lưu trú qua đêm phải chấp hành đầy đủ các điều kiện, quy định hiện hành của pháp luật liên quan về quản lý lưu trú.

Điều 14. Giá cước vận chuyển khách, hợp đồng thuê thuyền và các dịch vụ khác

1. Kê khai, niêm yết giá:

Tổ chức, cá nhân kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch đường thủy nội địa thực hiện kê khai giá, niêm yết giá theo quy định tại Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13/11/2008 của Bộ Tài chính, cụ thể :

a) Lập hồ sơ kê khai giá gửi các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Cục Thuế.

b) Kê khai giá lần đầu được thực hiện khi tổ chức, cá nhân bắt đầu kê khai giá với cơ quan tiếp nhận hồ sơ kê khai giá.

c) Kê khai lại giá được thực hiện khi tổ chức, cá nhân điều chỉnh tăng hoặc giảm giá so với mức giá của lần kê khai trước và liền kề.

d) Tổ chức, cá nhân đăng ký giá phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mức giá đăng ký.

đ) Công bố công khai thông tin về giá; niêm yết giá đã đăng ký công khai trong toàn hệ thống, thực hiện đúng giá niêm yết, đồng thời phải chấp hành các biện pháp bình ổn giá theo quy định của pháp luật khi thị trường có biến động bất thường.

2. Vé hành khách, hợp đồng vận chuyển khách du lịch:

a) Vé cước vận chuyển khách du lịch:

Tổ chức, cá nhân vận tải (chủ phương tiện) kinh doanh vận chuyển khách du lịch phải phát hành vé cước vận chuyển khách theo quy định và niêm yết giá vé tại nơi bán vé.

Trường hợp chủ phương tiện ký hợp đồng ủy thác với Ban Quản lý bán vé thì Ban Quản lý bán phải thực hiện niêm yết giá cước vận chuyển khách tại nơi bán vé theo quy định;

b) Chủ phương tiện phải có hợp đồng vận chuyển khách du lịch theo từng chuyến, trừ các hợp đồng vận chuyển khách theo chương trình du lịch đã ký với các doanh nghiệp lữ hành. Hợp đồng vận chuyển phải được lập thành văn bản, kèm theo danh sách khách du lịch (theo biểu mẫu ban hành kèm theo Quy định này) và phải thống nhất giữa các bên có liên quan theo đúng quy định của pháp luật, có chữ ký của đại diện khách du lịch là người trực tiếp sử dụng dịch vụ. Hợp đồng thuê thuyền, danh sách hành khách lưu trú qua đêm và các giấy tờ lưu trú liên quan phải được lưu giữ theo quy định.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH DU LỊCH TRÊN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 15. Trách nhiệm của chủ phương tiện

1. Phương tiện đưa vào hoạt động phải bảo đảm các điều kiện hoạt động an toàn theo quy định tại Điều 3 của Quy định này;

2. Bố trí đầy đủ định biên và lập danh sách thuyền viên và nhân viên phục vụ trên phương tiện vận tải hành khách du lịch theo quy định. Đặc biệt đối với phương tiện lưu trú phải đảm bảo đủ định biên trực ca 24/ 24h theo quy định.

3. Có quyết định phân công trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể cho thuyền trưởng và các thuyền viên khác, nhân viên phục vụ và phổ biến trực tiếp đến từng đối tượng thực hiện; thường xuyên kiểm tra để có biện pháp khắc phục kịp thời những thiếu sót, vi phạm và chịu trách nhiệm về các hoạt động của người được giao quyền quản lý điều hành, thuyền viên, người làm việc trên thuyền trong quá trình hoạt động.

4. Kiểm tra các điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện trước khi đưa phương tiện vào tham gia hoạt động.

5. Trực tiếp chịu trách nhiệm hoặc liên đới chịu trách nhiệm về các hoạt động liên quan đến sự cố xảy ra với phương tiện.

5. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường theo quy định.

6. Khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động của phương tiện mình gây ra.

7. Vệ sinh phương tiện sạch sẽ trước khi đưa vào hoạt động.

8. Phải có hợp đồng thu gom, xử lý chất thải với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

9. Không được tổ chức chào mời, lôi kéo khách đi thuyền gây mất trật tự ở bến thuyền.

Điều 16. Trách nhiệm của thuyền viên, người điều khiển phương tiện và nhân viên phục vụ trên phương tiện

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Chương II Quyết định số 28/2004/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phạm vi trách nhiệm của thuyền viên, người điều khiển phương tiện và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa; Thông tư số 09/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phạm vi trách nhiệm của thuyền viên, người điều khiển phương tiện và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 28/2004/QĐ-BGTVT, thuyền viên và người điều khiển phương tiện còn có trách nhiệm:

1. Trách nhiệm của Thuyền trưởng:

- a) Chịu trách nhiệm cao nhất về an toàn, an ninh trật tự trong suốt hành trình của phương tiện;
- b) Thông báo kịp thời cho khách du lịch về điều kiện thời tiết bất thường hay có sự cố bất thường trên phương tiện hoặc trong khu vực;
- c) Chỉ nhận khách có giấy tờ tùy thân hợp lệ, đúng với danh sách khách đã khai báo tạm trú (nếu là khách lưu trú);
- d) Thực hiện đúng lịch trình đã đăng ký; khi thay đổi lịch trình liên quan đến cảng, bến, điểm neo đậu phải thông báo cho các cơ quan đó biết trước khi thực hiện.

2. Trách nhiệm của thuyền viên và người điều khiển phương tiện:

- a) Thực hiện đầy đủ phạm vi trách nhiệm theo chức danh, chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh của thuyền trưởng; và người chỉ huy trực tiếp;
- b) Trước khi khởi hành, tùy theo chức trách của mình, thuyền viên và người điều khiển phương tiện phải kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn giao thông đường thủy đối với người và phương tiện; phổ biến cho khách du lịch cách sử dụng áo phao cứu sinh, trang thiết bị cứu sinh, cứu đuối, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường và sử dụng búa để mở hoặc phá cửa thoát hiểm;
- c) Báo cáo kịp thời cho thuyền trưởng khi phát hiện sự cố bất thường trên phương tiện.

3. Trách nhiệm của nhân viên phục vụ trên phương tiện:

- a) Nhân viên phục vụ trên phương tiện thực hiện đầy đủ phạm vi trách nhiệm theo công việc được giao, chấp hành nghiêm mệnh lệnh của thuyền trưởng và người chỉ huy trực tiếp.

b) Tham gia bảo đảm an ninh trật tự, an toàn cho người và tài sản của khách du lịch trong suốt hành trình.

c) Tham gia cứu nạn khi phương tiện khác gặp sự cố trong khu vực cùg neo đậu hoặc đang hoạt động.

d) Báo cáo kịp thời cho thuyền trưởng khi phát hiện sự cố bất thường trên phương tiện.

Điều 17. Trách nhiệm của khách du lịch

1. Thực hiện theo các quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật Giao thông đường thủy nội địa, Điều 36 Luật Du lịch và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tuyệt đối tuân thủ các hướng dẫn về điều kiện bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa của thuyền trưởng, thuyền viên.

Điều 18. Trách nhiệm của Ban Quản lý bến thuyền du lịch

1. Xây dựng bản nội quy bến thuyền du lịch và niêm yết tại những nơi dễ quan sát trong bến.

2. Đặt các thùng rác ở vị trí thuận tiện cho khách bỏ rác và các thiết bị chứa chất thải cho các phương tiện du lịch trong khu vực bến nhưng phải đảm bảo vệ sinh, thẩm mỹ cho khu vực bến.

3. Phải có kế hoạch tổng dọn vệ sinh thường xuyên bến và khu vực xung quanh đảm bảo cảnh quan và môi trường khu vực.

4. Ban quản lý bến thuyền có trách nhiệm kiểm tra các điều kiện vệ sinh môi trường của phương tiện; nếu không đảm bảo thì không cho đậu đỗ trong phạm vi vùng nước của bến.

5. Tuyệt đối không cấp lệnh xuất bến cho phương tiện không đảm bảo các điều kiện về an toàn giao thông đường thủy nội địa hoặc người điều khiển phương tiện đó uống rượu bia và không kiểm tra thực tế phương tiện.

Chương VI

KIỂM TRA, THANH TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 19. Thanh tra, kiểm tra

1. Các cơ quan có thẩm quyền được thực hiện việc thanh, kiểm tra theo quy định của pháp luật đối với hoạt động kinh doanh vận chuyển khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Việc thực hiện thanh tra, kiểm tra theo đúng Luật Thanh tra, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 60/2011/NĐ-CP ngày 20/7/2011 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa và các quy định hiện hành của nhà nước.

3. Việc kiểm tra hành chính chỉ được thực hiện tại các bến thuyền du lịch. Không được tùy tiện dừng tàu để kiểm tra khi chưa phát hiện các dấu hiệu vi phạm, trừ các trường hợp đã được pháp luật cho phép.

Điều 20. Xử lý các vi phạm

Chủ phương tiện, thuyền viên thuyền du lịch, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải nghiêm chỉnh chấp hành Quy định này, nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Sở Giao thông Vận tải

1. Cơ quan thường trực, tổ chức giám sát việc thực hiện Quy định này và tổng hợp, đề xuất các biện pháp giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện Quy định này.

2. Theo dõi quản lý hoạt động vận tải khách du lịch đường thủy nội địa thuộc địa phương, hàng quý báo cáo Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, UBND tỉnh (trước ngày 20 của tháng cuối quý).

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông đường thủy trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa thuộc địa phương mình.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan có liên quan tổ chức tập huấn nghiệp vụ an toàn giao thông cho nhân viên phục vụ trên phương tiện.

5. Tuyên truyền, giáo dục đội ngũ thuyền viên chấp hành các quy định của Nhà nước về giao thông đường thủy và các quy định về kinh doanh vận chuyển khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn.

Điều 22. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển tàu, thuyền vận tải khách du lịch đường thủy nội địa theo định hướng, quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan có liên quan tổ chức tập huấn nghiệp vụ du lịch cho các thuyền viên, người điều khiển phương tiện.

3. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan có liên quan kiểm tra, xử lý vi phạm quy định về bảo đảm an toàn cho khách du lịch của các

phương tiện và tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa.

3. Thẩm định và công bố các tuyến, điểm, sản phẩm du lịch trên địa bàn.

4. Chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ phục vụ khách; các chất lượng, tiêu chuẩn về dịch vụ trên thuyền du lịch.

5. Xác nhận phương tiện đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch theo quy định.

Điều 23. Công an tỉnh

1. Đảm bảo an ninh trật tự đối với hoạt động của thuyền du lịch; công tác phòng chống cháy nổ; quản lý lưu trú, và các lĩnh vực có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Là cơ quan thường trực cứu hộ, cứu nạn; chủ động phối hợp với các ngành, địa phương liên quan giải quyết các sự cố xảy ra trên đường thủy nội địa.

3. Chỉ đạo lực lượng công an phường xã tăng cường công tác phối hợp với ban quản lý bến thuyền du lịch để đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực bến.

4. Chỉ đạo Phòng cảnh sát đường thủy và các lực lượng công an tăng cường công tác tuần tra kiểm soát hoạt động của các phương tiện vận chuyển khách du lịch, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.

Điều 24. Ban Quản lý bến thuyền du lịch

1. Quản lý và chuẩn bị các điều kiện đảm bảo yêu cầu về an toàn, thuận tiện cho khách và thuyền du lịch ra, vào tại các bến thuyền du lịch.

2. Tổ chức hướng dẫn, giám sát chung các hoạt động của thuyền du lịch trong việc chấp hành quy định về hành trình, điểm neo đậu, bảo vệ cảnh quan môi trường trên, chất lượng dịch vụ các tuyến đường thủy nội địa.

3. Phối hợp với lực lượng công an phường, xã trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự tại khu vực bến thuyền du lịch.

Điều 25. Sở Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước môi trường và thực hiện các nhiệm vụ, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy định này.

Điều 26. Sở Y tế

1. Quy định danh mục thuốc thông thường và thiết bị y tế trên thuyền du lịch.

2. Tổ chức tập huấn, cấp giấy chứng nhận về nghiệp vụ sơ, cấp cứu y tế; kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm cho thuyền viên thuyền du lịch.

Điều 27. Sở Tài chính

1. Chủ trì xây dựng quy định về mức giá tối thiểu cho hoạt động vận chuyển khách du lịch đường thủy nội địa.

2. Chủ trì việc quản lý về giá của các hoạt động kinh doanh phục vụ khách du lịch trên các tuyến đường thủy nội địa.

Điều 28. Cục Thuế tỉnh

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về thuế; công khai các thủ tục về thuế theo đúng quy định của pháp luật, tạo điều kiện cho cơ sở kinh doanh nộp thuế nhanh chóng, thuận tiện. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật thuế, phí và xử lý vi phạm theo đúng thẩm quyền.

2. Thực hiện các biện pháp quản lý thuế đối với hoạt động vận chuyển hành khách du lịch đường thủy nội địa.

Điều 29. Sở Công Thương

Chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường tỉnh phối hợp với các cơ quan có liên quan tăng cường kiểm tra, xử lý các vi phạm theo quy định.

Điều 30. UBND các huyện, thành phố Huế thị xã

1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vận chuyển khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn.

2. Kiểm tra, xử lý và chịu trách nhiệm về việc đê các bến thuyền du lịch trên địa bàn hoạt động trái phép.

3. Tổ chức đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường cho các chủ thuyền du lịch theo quy định; Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các nội dung đã ghi trong bản cam kết bảo vệ môi trường của các thuyền du lịch.

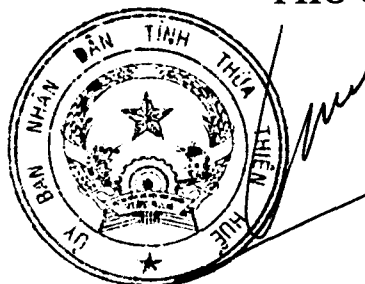
4. Chủ trì trong việc chăm sóc, hỗ trợ ban đầu cho khách du lịch khi gặp nạn trên các tuyến đường thủy nội địa thuộc địa bàn quản lý.

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện và kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, phát sinh đề nghị phản ánh về Sở Giao thông Vận tải để nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trường Lưu



DANH SÁCH
HÀNH KHÁCH VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện:Số đăng ký : TTH -

Tên chủ phương tiện:

Địa chỉ:

Tên thuyền trưởng: Số bằng (CCCM):.....

Tuyến tham quan, du lịch:.....

Thời gian rời bến: hồigiờ....., ngày...../...../20.....

Số hành khách xuống thuyền tại bến là:.....người.

Quốc tịch: VN.....người; nước ngoài..... người

STT	Họ và tên	Địa chỉ nơi ở hiện nay (Quốc tịch)	Ghi chú
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
...			
..			
39			
40			

Tổng số hành khách: người (bằng chữ: người)

Đại diện BQL Bến thuyền du lịch

Người lập danh sách

(Ký, ghi rõ họ và tên)